TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 03-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Duy Tùng

Ông Nguyễn Minh Toàn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG; địa chỉ trụ sở chính: Số 40-42-44 A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà D - chức vụ: Tổ trưởng tín dụng Phòng giao dịch E; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 1546/UQ-NHKL ngày 30/9/2020 của bà F - Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG là người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP IG cho ông G - Giám đốc Ngân hàng TMCP IG và Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 20/UQ-KLHP ngày 27/5/2021 của ông G cho bà D); có mặt.

- *Bị đơn:*

Anh NVS, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 57 (số 5 cũ) H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Chị NNM, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 213 K, Tổ 11 cụm 2 L, quận M, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG (viết tắt là Ngân hàng IG) với anh NVS và vợ là chị NNM đã thỏa thuận và ký Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 047/18/HĐTD/1404-6269 ngày 25 tháng 01 năm 2018, số tiền vay là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay: Xây sửa nhà; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giả i ngân đầu tiên (ngày giải ngân 26/01/2018); kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng; ngày trả nợ gốc đầu tiên: 26/02/2018; các ngày trả nợ gốc tiếp theo: ngày 26 hàng tháng; số nợ gốc phải trả mỗi kỳ: 5.000.000đồng; kỳ hạn trả nợ lãi: hàng tháng; ngày trả lãi vay đầu tiên: 26/02/2018; các ngày trả lãi vay tiếp theo : ngày 26 hàng tháng. Lãi suất: 11,61%/năm, lãi suất được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên . Kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả . Lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Để đảm bảo cho khoản vay, anh NVS và chị NNM đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc , thiết bị , phương tiện vận tải số 047/18/HĐTC-MMTB/1404-6269 ngày 25/01/2018, tài sản thế chấp là chiếc xe ôtô con CHEVROLET, màu sơn đỏ, sản suất năm 2016; số máy 8D4161310383; số khung 695EGH937436; dung tích 1796 đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 036472, Biển kiểm soát 15A-271.74 cấp ngày 06/9/2016. Hợp đồng thế chấp tài s ản đã được Công chứng tại Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận E, Hải Phòng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 26/01/2018 theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng IG đã giải ngân và anh NVS, chị NNM đã nhận đủ số tiền vay theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 047.1/KUNN.CN ngày 26/01/2018. Tuy nhiên anh NVS, chị NNM mới chỉ trả được cho Ngân hàng kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 26/02/2018 với số tiền nợ gốc đã trả là 5.000.000đồng, tiền nợ lãi đã trả là 2.958.164đồng, kể từ kỳ trả nợ tiếp theo là ngày 26/3/2018 anh NVS, chị NNM đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng cho đến nay , nên khoản vay của anh NVS, chị NNM đã bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/12/2021, anh NVS, chị

NNM còn nợ Ngân hàng IG tổng số tiền là 471.302.270đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 295.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 83.079.159đồng; nợ lãi quá hạn là 74.796.672đồng; phạt chậm trả lãi là 18.426.438đồng). Ngân hàng IG đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc, đôn đốc anh NVS, chị NNM trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh NVS, chị NNM không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do anh NVS, chị NNM đã vi phạm thỏa thuận nên Ngân hàng IG khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh NVS, chị NNM phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng IG số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 471.302.270đồng. Trường hợp anh NVS, chị NNM không trả được nợ cho Ngân hàng IG thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Xe ôtô con CHEVROLET, Biển kiểm soát 15A-27174, màu sơn đỏ , số khung 695EGH937436, số máy 8D4161310383 theo giấy đăng ký xe ôtô số 036472 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 06/9/2016 cho anh NVS (Theo Hợp đồng thế chấp máy móc , thiết bị , phương tiện vận tải số 047/18/HĐTC-MMTB/1404-6269 ngày 25/01/2018 tại Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận E, thành phố Hải Phòng). Nếu sau khi phát mại tài sản bảo đảm vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ thì anh NVS, chị NNM vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng. Nếu sau khi phát mại tài sản bảo đảm còn thừa thì trả lại cho anh NVS, chị NNM.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là chị NNM vắng mặt tại nơi cư trú vì vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của chị NNM về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chị NNM, đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là đăng trên báo Nhân dân ba số liên tiếp , phát thanh trên đài VOV ba lần trong ba ngày liên tiếp và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh NVS, Tòa án đã tống đạt cho mẹ đẻ của anh NVS là bà Q, là người ở cùng địa chỉ với anh NVS. Bà Q đã nhận Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác của Tòa án thay cho anh NVS và cam kết giao lại tận tay ngay cho anh NVS, tại biên bản xác minh ngày 10/8/2021 bà Q trình bày đã thông báo lại việc Ngân hàng IG khởi kiện cho anh NVS nhưng anh NVS không nêu quan điểm, ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có quan điểm do hiện nay không xác định được chiếc xe ôtô con CHEVROLET, Biển kiểm soát 15A-27174 đang ở đâu , hiện do ai quản lý nên Ngân hàng đề nghị khi nào tìm thấy tài sản này thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân

theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 298, 299, 301, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt hộng cho vay của tổ chức tín dụng , chi nhánh Ngân hàng nước ng oài đối với khách hàng ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc anh NVS và chị NNM phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng IG số tiền là 471.302.270đồng, trường hợp anh NVS và chị NNM không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ với Ngân hàng thì khi Ngân hàng phát hiện thấy tải sản bảo đảm là xe ôtô con CHEVROLET , Biển kiểm soát 15A-27174 ở đâu, Ngân hàng IG có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ ; trường hợp phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay mà còn thừa thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho anh NVS và chị NNM số tiền thừa; trường hợp phát mại tài sản thế chấp chưa đủ để thanh toán khoản vay thì anh NVS và chị NNM vẫn phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, mục đích vay để xây sửa nhà theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh NVS cư trú tại: Số 57 (số 5 cũ) H, phường I, quận J, thành phố Hải

Phòng, chị NNM cư trú tại : Số 213 K, Tổ 11 cụm 2 L, quận M, thành phố Hải Phòng. Do bị đơn ở hai nơi khác nhau nên căn cứ điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú để giải quyết, trong vụ án này nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng là nơi cư trú của anh NVS để giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh NVS và chị NNM đều vắng mặt không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của những người này là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được: Giữa Ngân hàng IG và vợ chồng anh NVS, chị NNM có quan hệ hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng đã ký với anh NVS, chị NNM Hợp đồng tín dụng số 047/18/HĐTD/1404-6269 ngày 25 tháng 01 năm 2018. Hợp đồng tín dụng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp, có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo các thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng.

[3.2] Xét việc thực hiện Hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

Quá trình thực hiện Hợp đồng , nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay tại Hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 047.1/KUNN.CN ngày 26/01/2018, nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như cam kết . Do đó nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là có căn cứ theo Điều 8, Điều 9 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 20 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn , được tính từ thời điểm giải ngân là ngày 26/01/2018 đến ngày xét xử 03/12/2021. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau , phù hợp với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự , Điều 18 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 chấp nhận

yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc bị đơn phải trả t ính đến ngày 03/12/2021 là 295.000.000đồng.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả:

Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại Hợp đồng tín dụn g là phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong Hợp đồng , phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ . Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay . Hợp đồng các bên ký kết vào ngày 25/01/2018 là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật nên áp dụng điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 nguyên đơn được tính lãi chậm trả. Như vậy bảng tính lãi có cơ sở được chấp nhận . Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/12/2021 anh NVS, chị NNM còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi trong hạn là 83.079.159đồng; nợ lãi quá hạn là 74.796.672đồng; lãi chậm trả là 18.426.438đồng.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng IG đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng, anh NVS và chị NNM đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp máy móc , thiết bị , phương tiện vận tải số 047/18/HĐTC-MMTB/1404-6269 ngày 25/01/2018 với nội dung thế chấp tài sản là chiếc xe ôtô con CHEVROLET , màu sơn đỏ , sản suất năm 2016; số máy 8D4161310383; số khung 695EGH937436; dung tích 1796 đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 036472, Biển kiểm soát 15A-271.74 cấp ngày 06/9/2016 cho anh NVS.

Việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 26 tháng 01 năm 2018 theo đúng quy định của pháp luật. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng IG, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Văn phòng công chứng N số công chứng : 212.PNT/18.TCTS, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/01/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319, 320 của Bộ luật Dân sự; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về sửa đổi , bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm ; khoản 1 Điều 61 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hàn h Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên phát sinh hiệu lực và là căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong trường hợp anh NVS, chị NNM không trả được nợ thì khi Ngân hàng có quyền

yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi khoản nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, bị đơn không hợp tác, không cung cấp hiện nay chiếc xe ôtô trên đang ở đâu , do ai quản lý, sử dụng nên Ngân hàng đề nghị khi nào tìm thấy tài sản này thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên , phát mại tài sản để thu hồi nợ là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 298, 299, 301, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt hộng cho vay của tổ chức tín dụng , chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG:

1.1 Buộc anh NVS và chị NNM có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/12/2021) là: 471.302.270đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 295.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 83.079.159đồng; nợ lãi quá hạn là 74.796.672đồng; lãi chậm trả là 18.426.438đồng).

Kể từ ngày 04/12/2021, anh NVS và chị NNM còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 047/18/HĐTD/1404-6269 ngày 25 tháng 01 năm 2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG với anh NVS và chị NNM. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp anh NVS và chị NNM không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ (bao gồm cả nợ gốc và các khoản nợ lãi) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG thì khi Ngân hàng phát hiện thấy tài sản bảo đảm ở đâu, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Xe ôtô con CHEVROLET , Biển kiểm soát 15A-27174, màu sơn đỏ, số khung 695EGH937436, số máy 8D4161310383 theo giấy đăng ký xe ôtô số 036472 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 06/9/2016 cho anh NVS (Theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 047/18/HĐTC-MMTB/1404-6269 ngày 25/01/2018 tại Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận E, thành phố Hải Phòng) để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng như nêu trên cho Ngân hàng.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG thì anh NVS và chị NNM vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 047/18/HĐTD/1404-6269 ngày 25 tháng 01 năm 2018 được ký giữa Ngân hàng với anh NVS và chị NNM.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG vẫn còn thừa thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho anh NVS và chị NNM.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh NVS phải nộp 11.426.045đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị NNM phải nộp 11.426.045đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần IG số tiền 10.619.366đồng (Mười triệu sáu trăm mười chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0010260 ngày 31/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh NVS và chị NNM đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phương